

**PHỤ LỤC 10: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ**

STT	CÁC KHOẢN MỤC PHÍ	MỨC ÁP DỤNG			CĂN CỨ TÍNH	VAT
		MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA		
<b>A</b>	<b>THU TÍN DỤNG CHỨNG TỪ (L/C)</b>					
<b>I</b>	<b>XUẤT KHẨU</b>					
1	Thông báo L/C/ thông báo sơ bộ L/C, thông báo bảo lãnh quốc tế					
	<i>1.1 PVcomBank là ngân hàng thông báo thứ nhất</i>					
	- Thông báo trực tiếp cho khách hàng	10 USD			01 lần	
	- Chuyển tiếp L/C cho ngân hàng khác	30 USD			01 lần	
	<i>1.2 PVcomBank là ngân hàng thông báo thứ hai</i>	5 USD + Phí NHTB thứ nhất			01 lần	
2	Xác nhận L/C/ tu chỉnh L/C	Theo thông báo của bộ phận F1				
3	Tư vấn và kiểm tra chứng từ					
	- KH xuất trình chứng từ gốc tại PVcomBank	Miễn phí				VAT
	- KH không xuất trình chứng từ gốc tại PVcomBank	20 USD			01 lần	VAT
4	Xử lý bộ chứng từ L/C xuất khẩu	5 USD			01 lần	VAT
5	Chiết khấu bộ chứng từ	Theo lãi suất cho vay chiết khấu tại thời điểm phát sinh			Trị giá bộ chứng từ	
6	Thanh toán bộ chứng từ	0,12%	20 USD	200 USD	Trị giá bộ chứng từ	VAT
7	Tra soát thanh toán	10 USD				VAT
8	Chuyển nhượng L/C	0,08%/tháng	25 USD	300 USD	Trị giá L/C chuyển nhượng	VAT
9	Chuyển nhượng tu chỉnh L/C					
	- Tu chỉnh tăng giá trị	Thu như mức phí chuyển nhượng			Số tiền tăng	VAT
	- Tu chỉnh khác	15 USD			01 lần	VAT
10	Hủy L/C chuyển nhượng	15 USD			01 lần	VAT
11	Nhận và xử lý bộ chứng từ L/C chuyển nhượng	10 USD			01 lần	VAT
12	Nhận và xử lý bộ chứng từ L/C chuyển nhượng gửi lại	10 USD			01 lần	VAT
13	Phí thực hiện hoàn trả L/C chuyển nhượng	20 USD			01 lần	VAT
<b>II</b>	<b>NHẬP KHẨU</b>					
1	Phát hành L/C sơ bộ	20 USD			01 lần	
2	Phát hành L/C trả ngay/ trả chậm (*)					
	<i>2.1 Ký quỹ 100%</i>	0,05%	20 USD	400 USD	Trị giá L/C	
	<i>2.2 Ký quỹ dưới 100%</i>		25 USD	1,500 USD		
	- Phần ký quỹ	0,05%			Trị giá được ký quỹ	
	- Phần chưa ký quỹ	0,13%			Trị giá được ký quỹ	
3	Phát hành L/C xác nhận					
	Phí của Ngân hàng xác nhận	Phí thực tế				
	Phí phát hành của PVcomBank	Như mở L/C thông thường				
4	Tu chỉnh L/C					
	Tu chỉnh tăng giá trị	Như phát hành L/C			Số tiền tăng	
	Tu chỉnh khác	15 USD			01 lần	
5	Tra soát L/C theo yêu cầu của người mở	10 USD			01 lần	
6	Chấp nhận thanh toán L/C trả chậm					
	<i>6.1 Ký quỹ 100%</i>	0,05%/tháng	25 USD	500 USD	Trị giá BCT	
	<i>6.2 Ký quỹ dưới 100%</i>		30 USD			
	a Phần ký quỹ	0,05%/tháng			Trị giá BCT ký quỹ	
	b Phần chưa ký quỹ					
	- Được bảo đảm bằng tiền gửi, sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi do PVcomBank phát hành	0,06%/tháng			Trị giá BCT ký quỹ	
	- Được bảo đảm bằng tài sản khác	0,12%/tháng				
7	Từ chối thanh toán	10 USD			01 lần	
8	Thanh toán L/C trả ngay/ trả chậm	0,18%	20 USD	500 USD		
9	Ký hậu vận đơn/ Phát hành ủy quyền nhận hàng	5 USD			01 lần	
10	Phát hành bảo lãnh nhận hàng	50 USD			01 lần	
11	Hủy L/C	20 USD				
12	Phí xử lý bộ chứng từ gửi trả	Buru phí thực tế				VAT
<b>B</b>	<b>NHỜ THU</b>					
<b>I</b>	<b>NHỜ THU XUẤT KHẨU</b>					
1	Nhận và xử lý chứng từ nhờ thu	5 USD			01 lần	VAT

2		Tra soát/ Tu chỉnh/ Hủy/ Thu hồi chỉ thị nhờ thu theo yêu cầu	10 USD			01 lần	VAT	
3		Thanh toán nhờ thu	0,12%	20 USD	200 USD	Trị giá bộ chứng từ	VAT	
4		Xử lý bộ chứng từ bị trả lại	10 USD			01 lần	VAT	
5		Chiết khấu chứng từ nhờ thu xuất khẩu	Theo lãi suất cho vay chiết khấu tại thời điểm phát sinh					
<b>II NHỜ THU NHẬP KHẨU</b>								
1		Xử lý và thông báo chứng từ nhờ thu	5 USD				VAT	
2		Xử lý và thông báo tu chỉnh chứng từ nhờ thu	5 USD			01 lần	VAT	
3		Tra soát chứng từ nhờ thu	5 USD			01 lần	VAT	
4		Từ chối nhờ thu, xử lý hoàn trả chứng từ	10 USD + chi phí thực tế			01 BCT	VAT	
5		KH chấp nhận thanh toán nhờ thu trả chậm (đã bao gồm điện phí)	20 USD			01 lần	VAT	
6		Thanh toán nhờ thu	0,18%	20 USD	200 USD	01 BCT	VAT	
7		Ký hậu vận đơn nhận hàng	5 USD			01 lần	VAT	
8		Phát hành ủy quyền nhận hàng	5 USD			01 lần	VAT	
9		Xử lý bộ chứng từ nhờ thu chuyển tiếp sang ngân hàng khác						
		- Trong nước	20 USD			01 BCT	VAT	
		- Ngoài nước	30 USD			01 BCT	VAT	
<b>C CAD</b>								
<b>I CAD XUẤT KHẨU</b>								
1		Xử lý chứng từ và gửi chứng từ	10 USD			01 lần	VAT	
2		Thanh toán	0,12%/Trị giá TT	20 USD	200 USD	01 lần	VAT	
3		Phí sửa đổi CAD	10 USD			01 lần	VAT	
4		Yêu cầu hủy CAD	10 USD				VAT	
5		Tra soát	10 USD			01 lần	VAT	
<b>II CAD NHẬP KHẨU</b>								
1		Thông báo và xử lý chứng từ	10 USD			01 lần	VAT	
2		Thanh toán	0,15%/Trị giá TT	20 USD	200 USD	01 lần	VAT	
3		Ký hậu/ Ủy quyền nhận hàng	05 USD			01 lần	VAT	
4		Phí phát hành bảo lãnh theo CAD	30 USD			01 lần	VAT	
5		Phí sửa đổi CAD	10 USD			01 lần	VAT	
6		Yêu cầu hủy CAD	10 USD				VAT	
7		Tra soát	10 USD			01 lần	VAT	
<b>D CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ</b>								
1		Chuyển tiền đi						
	1.1	Phí PVcomBank	0,2%	10 USD	300 USD	01 lần	VAT	
	1.2	Phí NH nước ngoài/ NH đại lý do người chuyển tiền chịu						
	a	Chuyển tiền USD	30 USD			01 lần	VAT	
	b	Chuyển tiền EUR	25 EUR			01 lần	VAT	
	c	Chuyển tiền JPY						
	-	Người hưởng có tài khoản tại Ngân hàng Mizuho, Ltd	0,05%	3,000 JPY		01 lần	VAT	
	-	Người hưởng không có tài khoản tại Ngân hàng Mizuho, Ltd	0,1%	8,000 JPY		01 lần	VAT	
	d	Chuyển tiền SGD						
	-	Đến ngân hàng tại Singapore	20 SGD			01 lần	VAT	
	-	Đến ngân hàng không tại Singapore	0,15%	20 SGD	120 SGD	01 lần	VAT	
	e	Chuyển tiền AUD	30 AUD			01 lần	VAT	
	f	Chuyển tiền GBP	20 GBP			01 lần	VAT	
2		Tra soát/ Sửa đổi/ Hủy/ Yêu cầu hoàn trả tiền theo yêu cầu của khách hàng	05 USD + phí trả ngân hàng nước ngoài					VAT
3		Phát hành giấy xác nhận thanh toán qua ngân hàng để xin cấp giấy phép nhập khẩu tự động	300,000 VNĐ			01 lần	VAT	
4		Chuyển tiền đến						
	-	Phí thu từ người hưởng trong nước	0,05%	2 USD	100 USD	01 lần	VAT	
	-	Phí thu từ người chuyển tiền nước ngoài	0,1%	10 USD	200 USD	01 lần	VAT	
5		Thoái hồi lệnh chuyển tiền	10 USD			01 lần	VAT	
<b>E ĐIỆN PHÍ</b>								
1		Điện phát hành L/C/ phát hành L/C sơ bộ	20 USD			01 điện	VAT	
2		Điện tu chỉnh/ hủy L/C/ tu chỉnh bảo lãnh quốc tế	15 USD			01 điện	VAT	
3		Điện phát hành L/C dự phòng/ phát hành bảo lãnh quốc tế	20 USD			01 điện	VAT	
4		Điện phí thanh toán/ Điện phí tra soát/ Điện phí CAD và điện phí khác	10 USD			01 điện	VAT	
5		Phí chuyển tiếp điện	Theo chi phí thực tế					VAT

F		CHUYỂN PHÁT NHANH						
	1		<b>Phí gửi chuyển phát nhanh chứng từ</b>	Mức phí căn cứ theo thực tế cân nặng và vùng địa lý của bộ chứng từ của khách hàng	30 USD	70 USD	01 kiện	VAT

**Ghi chú:**

1.	Biểu phí trên có thể thay đổi theo từng thời kỳ.
2.	Phí dịch vụ được tính theo tỷ lệ % của từng lần giao dịch hoặc mức phí cố định cho mỗi lần giao dịch. Khách hàng thanh toán phí dịch vụ tại nơi phát sinh giao dịch với PVcomBank. Các khoản phí phải trả cho bên thứ 3 tham gia vào dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng mà chưa được quy định tại biểu phí sẽ thu theo thực tế phát sinh. Các trường hợp phát sinh nghiệp vụ gửi điện/chuyển phát chứng từ và/hoặc phí của Ngân hàng đại lý/Ngân hàng nước ngoài thì phí thu sẽ được cộng thêm điện phí/phí chuyển phát chứng từ và/hoặc phí phải trả cho Ngân hàng nước ngoài.
3.	Các loại phí khác chưa được PVcomBank quy định sẽ do Tổng Giám đốc phê duyệt ban hành.
4.	Phí dịch vụ chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (VAT) và được thu bằng ngoại tệ cho các nghiệp vụ phát sinh. Khách hàng có thể thanh toán bằng tiền Việt Nam theo tỷ giá bán ngoại tệ được niêm yết tại nơi giao dịch. Đồng tiền Đô la Mỹ (USD) được quy định trong biểu phí này là ngoại tệ cơ sở để tính toán mức phí khi phát sinh giao dịch bằng các ngoại tệ khác.
5.	Các phí không ghi chú trong cột VAT của biểu phí này là các phí không thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo quy định của Pháp luật.
6.	PVcomBank không hoàn trả lại phí dịch vụ và các khoản phí khác đã thu theo biểu phí trong trường hợp khách hàng có yêu cầu hủy bỏ giao dịch sau khi PVcomBank đã thực hiện hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi PVcomBank gây ra.
7.	Khi thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng, trường hợp phí của PVcomBank và/hoặc phí của các ngân hàng đại lý thực hiện dịch vụ do khách hàng nước ngoài hoặc đối tượng khác chịu nhưng PVcomBank và/hoặc các ngân hàng đại lý không thu hồi được, PVcomBank sẽ thu vào người yêu cầu thực hiện giao dịch.
8.	Trị giá L/C để tính phí và tính tỷ lệ ký quỹ trong trường hợp L/C có dung sai là số tiền L/C + phần dung sai tăng.
9.	Tùy từng trường hợp và tính chất giao dịch cụ thể, Giám đốc/ Phó Giám đốc chi nhánh (phụ trách KHCN) được quyền quyết định thu phí cao hơn mức quy định tại biểu phí này đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật.
10.	Các trường hợp thu phí thấp hơn mức phí quy định phải được Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền phê duyệt bằng văn bản.
11.	Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.
12.	Trường hợp KH đã được miễn giảm phí: Nếu mức phí sau khi được miễn giảm nhỏ hơn phí tối thiểu, PVcomBank sẽ thu theo phí tối thiểu.